

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	12 - 32
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	33



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam và 02 Công ty con.

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty thay đổi lần thứ 15 số 4000386181 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VHG.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại : 84 (235) 3 947 234
- Fax : 84 (235) 3 943 333
- Mã số thuế : 4 0 0 0 3 8 6 1 8 1

• Thông tin về Công ty con

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	96,91%	96,91%	96,91%
2	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	98,66%	98,66%	98,66%

• Thông tin về Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	49,51%	49,51%	49,51%
2	Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	40,70%	40,70%	40,70%
3	Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ	Thôn Hy Thế, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, Bình Định	24,23%	24,23%	24,23%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác...);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác quặng đồng;
- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- Sản xuất bộ giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn giấy các loại;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm...).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		-
Ông Nguyễn Thắng Lợi	Thành viên		-
Ông Khuất Duy Tiến	Thành viên		-
Bà Phạm Thị Minh Phượng	Thành viên		-
Ông Trần Đăng Khoa	Thành viên		-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Trưởng Ban		-
Ông Nguyễn Đình Quyết	Thành viên		-
Bà Hồ Thị Thu Hồng	Thành viên		-

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		-
Ông Lê Khiếu Phương	Kế toán trưởng		-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		-

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 33.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 54/NQHĐQT-VHG ngày 26/08/2017 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Su Quảng Nam đã thông qua việc:

+ Công ty không thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Quảng Nam.

+ Công ty thông qua việc thoái và thu hồi toàn bộ vốn liên quan đến hoạt động đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây trong năm 2017. Việc thoái và thu hồi vốn này phải đảm bảo thu hồi lại đầy đủ và toàn bộ số vốn liên quan đến hoạt động đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

10. **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TM. Hội đồng Quản trị



VŨ ANH TUẤN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Nam, ngày 29 tháng 8 năm 2017.





Số: 2348A/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, từ trang 08 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh VII.7, Theo Nghị quyết số 54/NQHĐQT-VHG ngày 26/08/2017 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Su Quảng Nam đã thông qua việc:

+ Công ty không thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Quảng Nam.

+ Công ty thông qua việc thoái và thu hồi toàn bộ vốn liên quan đến hoạt động đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây trong năm 2017. Việc thoái và thu hồi vốn này phải đảm bảo thu hồi lại đầy đủ và toàn bộ số vốn liên quan đến hoạt động đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây.

Ý kiến soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, phát hành Báo cáo ngày 14 tháng 03 năm 2017, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, được trình bày cho mục đích so sánh, được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác, phát hành Báo cáo soát xét ngày 09 tháng 08 năm 2016, đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Sang – Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 0851-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		19.591.258.237	186.378.923.362
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	902.270.826	1.645.253.744
111	1. Tiền		902.270.826	1.645.253.744
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	86.000.000	86.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		350.000.000	350.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(264.000.000)	(264.000.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.698.473.791	165.465.812.226
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	10.119.298.506	38.614.358.831
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	10.252.812.823	64.732.388.741
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	70.450.865.373	83.607.414.983
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(83.124.502.911)	(21.488.350.329)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	4.846.214.365	16.057.601.192
141	1. Hàng tồn kho		13.756.233.579	16.566.137.192
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(8.910.019.214)	(508.536.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.058.299.255	3.124.256.200
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		15.000.000	47.000.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.692.316.412	3.024.093.232
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	3.350.982.843	53.162.968
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		1.453.667.366.826	1.528.659.770.118
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		338.008.765	452.308.044
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	338.008.765	452.308.044
222	- Nguyên giá		1.089.789.276	4.580.401.125
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(751.780.511)	(4.128.093.081)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	-
228	- Nguyên giá		675.311.099	675.311.099
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(675.311.099)	(675.311.099)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		172.021.249.977	180.338.006.386
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	172.021.249.977	180.338.006.386
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	1.281.308.108.084	1.347.869.455.688
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		930.295.108.084	1.015.749.455.688
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		351.013.000.000	332.120.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		1.473.258.625.063	1.715.038.693.480

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

Bảng cân đối kế toán Hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		41.185.796.899	11.154.672.554
310	I. Nợ ngắn hạn		10.030.331.625	5.275.054.697
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	7.154.763.150	2.036.497.754
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		65.647.215	152.918.854
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	159.252.466	1.151.070.006
314	4. Phải trả người lao động	V.13	365.971.169	543.812.700
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	327.437.296	59.671.511
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.15	1.010.214.663	384.038.206
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		947.045.666	947.045.666
330	II. Nợ dài hạn		31.155.465.274	5.879.617.857
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.16	5.104.392.420	4.775.392.420
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		26.051.072.854	1.104.225.437
400	D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.432.072.828.164	1.703.884.020.926
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	1.432.072.828.164	1.703.884.020.926
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.169.114.884	49.666.628.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(32.582.949.816)
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(114.932.255.576)	162.126.474.690
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước		165.964.373.886	173.734.922.489
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		(280.896.629.462)	(11.608.447.799)
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		20.835.968.856	24.673.868.052
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		1.473.258.625.063	1.715.038.693.480

Quảng Nam, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRƯƠNG VĂN THỊNH

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

VŨ ANH TUẤN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

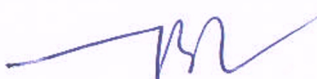
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	16.078.973.210	965.247.250.000
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.078.973.210	965.247.250.000
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	24.967.620.406	965.550.500.000
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(8.888.647.196)	(303.250.000)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	5.092.821	24.902.981.405
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	120.641.583.079	14.471.743.244
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		197.765.785	13.298.339.317
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		(25.454.347.604)	4.790.543.415
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	16.911.364	66.975.715
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	62.687.272.929	5.930.845.613
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(217.683.669.351)	8.920.710.248
31	12. Thu nhập khác	VI.7	21.404.853	-
32	13. Chi phí khác	VI.8	38.287.517.547	48.415.902
40	14. Lợi nhuận khác		(38.266.112.694)	(48.415.902)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(255.949.782.045)	8.872.294.346
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	1.930.687.126
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		24.946.847.417	(92.796.481)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(280.896.629.462)	7.034.403.701
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		(277.295.522.447)	6.936.056.030
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(3.601.107.015)	98.347.671
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	(1.870)	48
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	(1.870)	48

Quảng Nam, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu



TRƯƠNG VĂN THỊNH

Kế toán trưởng



LÊ KHIẾU PHƯƠNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(255.949.782.045)	8.872.294.346
	2. Điều chỉnh các khoản		70.304.120.860	(14.252.557.244)
02	- Khấu hao tài sản cố định		90.124.132	152.246.827
03	- Các khoản dự phòng		70.037.635.796	1.990.381.432
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21.404.853)	(29.693.524.820)
06	- Chi phí lãi vay		197.765.785	13.298.339.317
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(185.645.661.185)	(5.380.262.898)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		93.165.142.798	405.136.724.287
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11.719.922.827	1.655.000
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		13.642.947.843	(113.775.751.050)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		32.000.000	(87.000.000)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	3.376.280.522
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(12.781.610.487)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(118.419.095)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(32.000.000)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		(67.085.647.717)	276.339.616.279
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(593.262.805)	(844.042.773)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		45.580.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(182.869.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	355.443.200.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(18.893.000.000)	(1.028.298.172.284)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		85.454.347.604	225.850.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	17.445.818.626
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		66.013.664.799	(613.272.196.431)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.644.000.000	375.731.989.054
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.315.000.000)	(371.109.773.057)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		329.000.000	4.622.215.997
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>		(742.982.918)	(332.310.364.155)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.645.253.744	390.255.460.387
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	902.270.826	57.945.096.232

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRƯƠNG VĂN THỊNH



LÊ KHIẾU PHƯƠNG

Quảng Nam, ngày 29 tháng 08 năm 2017



VŨ ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam, 02 Công ty con và các Công ty liên kết (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác quặng đồng;
- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm...).

Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất

Công ty con

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty.

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
1. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	Khai thác khoáng sản, đầu tư tài chính	96,91%	96,91%	96,91%
2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	Trồng cây Cao su, đầu tư tài chính	98,66%	98,66%	98,66%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

Công ty liên kết

Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất: 03 Công ty.

Tên: công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây (*)	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	49,51%	49,51%	49,51%
2. Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	40,70%	40,70%	40,70%
3. Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ	Thôn Hy Thế, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, Bình Định	24,23%	24,23%	24,23%

(*) Tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ lợi ích: Tỷ lệ lợi ích trực tiếp là 43,81%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp là 5,70%.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp hợp nhất Công ty con

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

b. Phương pháp hợp nhất Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các Công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở Công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và Công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất, và phần chia của biến động trong các Quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào các Công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào Quỹ dự trữ Hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các Công ty liên kết sẽ được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong các Công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các Công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ các Công ty liên kết.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập khi Công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Nếu Công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ Công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá: bán sản và đá Granite.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	740.883.250	205.432.818
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	161.387.576	1.439.820.926
Cộng	902.270.826	1.645.253.744

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/dài hạn

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)
- Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu (VMG)	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)
Cộng	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được tạm tính theo giá gốc của các khoản đầu tư trừ cho dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư đó.

2b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (**)	930.295.108.084			- 1.015.749.455.688		
Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	722.641.300.000	(*)	-	722.641.300.000	(*)	-
Công ty CP Granite Phú Yên	201.540.000.000	(*)	-	201.540.000.000	(*)	-
Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ	25.000.000.000	(*)	-	25.000.000.000	(*)	-
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	-	(*)	-	60.000.000.000	(*)	-
Lãi (Lỗ) Công ty liên kết	(18.886.191.916)	(*)	-	6.568.155.688	(*)	-
Đầu tư vào đơn vị khác	351.013.000.000			- 332.120.000.000		
Công ty CP Lâm Nghiệp Thống Nhất	92.613.000.000	(*)	-	-	-	-
Công ty TNHH Thống Nhất	198.400.000.000	(*)	-	198.400.000.000	(*)	-
Công ty CP Khoáng Sản Lào Cai - Quảng Trị	60.000.000.000	(*)	-	60.000.000.000	(*)	-
Công ty CP Thủy sản Viễn Đông	-	-	-	19.000.000.000	(*)	-
Công ty CP Đầu tư Cao Su Miền Nam	-	-	-	54.720.000.000	(*)	-
Cộng	1.281.308.108.084			- 1.347.869.455.688		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

(*) Tại ngày Báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để Thuyết minh trong Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (Theo phương pháp vốn chủ sở hữu):

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây				
Giá gốc khoản đầu tư liên kết	722.641.300.000	-	-	722.641.300.000
Lãi (Lỗ) của khoản đầu tư liên kết	5.900.364.358	-	619.420.731	5.280.943.627
Cộng	728.541.664.358	-	619.420.731	727.922.243.627
Công ty CP Granite Phú Yên				
Giá gốc khoản đầu tư liên kết	201.540.000.000	-	-	201.540.000.000
Lãi (Lỗ) của khoản đầu tư liên kết	705.625.213	127.239.244	-	832.864.457
Cộng	202.245.625.213	127.239.244	-	202.372.864.457
Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ				
Giá gốc khoản đầu tư liên kết	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Lãi (Lỗ) của khoản đầu tư liên kết	-	-	25.000.000.000	(25.000.000.000)
Cộng	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Công ty Cp Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam				
Giá gốc khoản đầu tư liên kết	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Lãi (Lỗ) của khoản đầu tư liên kết	(37.833.883)	37.833.883	-	-
Cộng	59.962.166.117	37.833.883	60.000.000.000	-
Tổng cộng	1.015.749.455.688	165.073.127	85.619.420.731	930.295.108.084

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	10.119.298.506	38.614.358.831
- Công ty CP XD Thủy Lợi - Thủy Điện Quảng Nam	865.742.848	865.742.848
- Công ty CP Kỹ thuật TM & Du lịch Thăng Long	616.500.601	616.500.601
- Chi nhánh Công ty CP DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	464.032.000	464.032.000
- Các khách hàng khác	8.173.023.057	36.668.083.382
Cộng	<u>10.119.298.506</u>	<u>38.614.358.831</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	10.252.812.823	64.732.388.741
- Công ty CP Tư vấn HANDIC- Đầu tư và PT Nhà Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
- Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP ĐT & SX Thống Nhất - CN Bình Phước	1.300.000.000	1.300.000.000
- Các nhà cung cấp khác	1.452.812.823	55.932.388.741
Cộng	<u>10.252.812.823</u>	<u>64.732.388.741</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	70.450.865.373	(64.415.618.333)	83.607.414.983	(665.618.333)
- Tạm ứng cho Trương Văn Thịnh	6.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	667.482.333	(665.618.333)	725.635.698	(665.618.333)
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	-	-	3.779.285	-
- Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	63.750.000.000	(63.750.000.000)	71.750.000.000	-
- Các khoản ký quỹ ngắn hạn	33.000.000	-	33.000.000	-
- Công ty Cp Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	-	-	11.095.000.000	-
- Các khoản bảo hiểm nộp thừa	383.040	-	-	-
Cộng	<u>70.450.865.373</u>	<u>(64.415.618.333)</u>	<u>83.607.414.983</u>	<u>(665.618.333)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các bên liên quan				
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
- Công ty CP XD Thủy Lợi - Thủy Điện Quảng Nam	Trên 3 năm	865.742.848	Trên 3 năm	865.742.848
- Công ty CP kỹ thuật TM & du lịch Thăng Long	Trên 3 năm	616.500.601	Trên 3 năm	616.500.601
- CN Công ty CP DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	Trên 3 năm	464.032.000	Trên 3 năm	464.032.000
- CN Công ty CP Đầu Tư & Xây dựng Bưu Điện Miền Trung	Trên 3 năm	404.615.760	Trên 3 năm	404.615.760
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	7.768.407.297	Từ 1 năm đến trên 3 năm	36.263.467.622
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Tư vấn HANDIC- Đầu tư và PT Nhà Hà Nội	Trên 3 năm	4.500.000.000	Trên 3 năm	4.500.000.000
- Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội	Trên 3 năm	3.000.000.000	Trên 3 năm	3.000.000.000
- Công ty CP ĐT & SX Thống Nhất - CN Bình Phước	Từ 06th - 01 năm	1.300.000.000		1.300.000.000
- Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	1.452.812.823	Từ 1 năm đến trên 3 năm	55.932.388.741
Phải thu ngắn hạn khác				
- Công ty CP Điện tử - Viễn thông Tin học Bưu điện	Trên 3 năm	665.618.333	Trên 3 năm	665.618.333
- Các đối tượng khác	Dưới 6 tháng	69.785.247.040	Dưới 6 tháng	82.941.796.650
Cộng		90.822.976.702		186.954.162.555

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.910.019.214	(8.910.019.214)	-	-
Hàng hóa	4.846.214.365	-	16.566.137.192	(508.536.000)
Cộng	13.756.233.579	(8.910.019.214)	16.566.137.192	(508.536.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	327.910.025	1.888.972.159	110.335.623	348.437.168	1.904.746.150	4.580.401.125
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	(1.279.988.531)	-	(305.877.168)	(1.904.746.150)	(3.490.611.849)
Số cuối kỳ	327.910.025	608.983.628	110.335.623	42.560.000	-	1.089.789.276
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	110.335.623	42.560.000	-	152.895.623
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	120.961.347	1.657.326.781	110.335.623	334.723.180	1.904.746.150	4.128.093.081
Khấu hao trong kỳ	18.609.438	71.514.694	-	-	-	90.124.132
Giảm do thanh lý	-	(1.269.527.373)	-	(292.163.180)	(1.904.746.150)	(3.466.436.703)
Số cuối kỳ	139.570.785	459.314.103	110.335.623	42.560.000	-	751.780.511
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	206.948.678	231.645.378	-	13.713.988	-	452.308.044
Số cuối kỳ	188.339.240	149.669.525	-	-	-	338.008.765

Không có tài sản cố định nào được dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	675.311.099	675.311.099
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	675.311.099	675.311.099
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	675.311.099	675.311.099
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	675.311.099	675.311.099
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	675.311.099	675.311.099
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đến đầu tư vào vườn cây cao su.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	7.154.763.150	2.036.497.754
- Công ty Cp Nhựa Miền Trung	5.330.835.802	-
- Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000
- Các nhà cung cấp khác	1.095.952.348	1.308.522.754
Cộng	<u>7.154.763.150</u>	<u>2.036.497.754</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT tiêu thụ nội địa	455.180.125	-	(3.750.000.000)	-	-	3.294.819.875
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.807.641	5.231.663	-	-	158.807.641	5.231.663
- Thuế thu nhập cá nhân	15.893.229	15.847.414	18.167.709	(33.616.113)	444.825	15.847.414
- Thuế tài nguyên	-	32.083.891	-	-	-	32.083.891
- Các khoản thuế khác	521.189.011	-	6.000.000	(530.189.011)	-	3.000.000
Cộng	<u>1.151.070.006</u>	<u>53.162.968</u>	<u>(3.725.832.291)</u>	<u>(563.805.124)</u>	<u>159.252.466</u>	<u>3.350.982.843</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 06 còn phải chi.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là khoản trích trước chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả khác các bên khác</i>	1.010.214.663	384.038.206
- Công ty Cổ phần Khai Thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	720.000.000	-
- Phải trả cho BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	152.145.545	227.608.854
- Các khoản phải trả khác	138.069.118	156.429.352
Cộng	<u>1.010.214.663</u>	<u>384.038.206</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	5.104.392.420	5.104.392.420	4.775.392.420	4.775.392.420
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây ⁽¹⁾	5.104.392.420	5.104.392.420	4.775.392.420	4.775.392.420
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	-
Cộng	5.104.392.420	5.104.392.420	4.775.392.420	4.775.392.420

(1) Là khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 10TD/THT-VHG ngày 01/10/2016; Hợp đồng tín dụng số 11TD/THT-VHG ngày 01/11/2016; và Hợp đồng tín dụng số 12TD/THT-VHG ngày 25/12/2016.

Thời hạn cho vay là 18 tháng, lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Hình thức đảm bảo: vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
- Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	4.775.392.420	1.644.000.000	(1.315.000.000)	5.104.392.420
Cộng	4.775.392.420	1.644.000.000	(1.315.000.000)	5.104.392.420

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

17b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	-
Cộng	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	-

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

17d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	145.989.770	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	4.010.230	150.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.010.230	150.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là <i>Vốn chủ sở hữu</i>)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	(4.010.230)
- Cổ phiếu phổ thông	-	(4.010.230)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	145.989.770
- Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	145.989.770
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	16.078.973.210	965.247.250.000
Cộng	16.078.973.210	965.247.250.000

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn bán hàng hóa	16.566.137.192	965.550.500.000
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.910.019.214	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(508.536.000)	-
Cộng	24.967.620.406	965.550.500.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính
Toàn bộ là lãi tiền gửi không kỳ hạn.**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền vay	197.765.785	13.298.339.317
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(757.969.522)
- Lỗ do bán cổ phiếu	-	1.896.567.922
- Lỗ từ chuyển nhượng vốn	120.419.136.000	-
- Chi phí tài chính khác	24.681.294	34.805.527
Cộng	120.641.583.079	14.471.743.244

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.275.000	20.079.351
- Các chi phí khác	8.636.364	46.896.364
Cộng	<u>16.911.364</u>	<u>66.975.715</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	563.873.627	1.356.779.950
- Chi phí vật liệu quản lý	-	40.196.420
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.651.106	74.906.408
- Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	-
- Chi phí dự phòng	61.636.152.582	2.748.350.954
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.111.731	580.005.850
- Các chi phí khác	42.483.883	1.130.606.031
Cộng	<u>62.687.272.929</u>	<u>5.930.845.613</u>

7. Thu nhập khác

Là chênh lệch lớn hơn từ thu thanh lý TSCĐ và chi phí liên quan đến thanh lý TSCĐ.

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí hủy tiền thuê đất	37.500.000.000	-
- Chi phí khác	787.517.547	48.415.902
Cộng	<u>38.287.517.547</u>	<u>48.415.902</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	40.196.420
- Chi phí nhân công	563.873.627	1.783.071.461
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.124.132	116.562.626
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.111.731	564.681.900
- Chi phí khác	112.483.883	3.932.140.621
Cộng	<u>1.181.593.373</u>	<u>6.436.653.028</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ ngày 01/01 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ ngày 01/01 đến 30/06/2016</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(280.896.629.462)	7.034.403.701
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	3.601.107.015	(98.347.671)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(277.295.522.447)	6.936.056.030
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	148.249.679	145.989.770
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>(1.870)</u>	<u>48</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2017	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(280.896.629.462)	7.034.403.701
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	3.601.107.015	(98.347.671)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(277.295.522.447)	6.936.056.030
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	148.249.679	145.989.770
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/Cp)	(1.870)	48

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lương và thu nhập khác	230.812.500	240.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	Là công ty con của Công ty, chiếm 96,91% cổ phần
2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Là công ty con của Công ty, chiếm 98,66% cổ phần
3. Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	Là Công ty liên kết của Công ty, chiếm tỷ lệ 49,51%

Giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây		
- Phát sinh vay trong kỳ	1.644.000.000	-
- Trả tiền vay trong kỳ	(1.315.000.000)	-
- Chi phí lãi vay trong kỳ	197.765.785	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

Số dư với các bên liên quan khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Phát triển BĐS Tây Hồ Tây		
- Vay dài hạn	5.104.392.420	4.775.392.420
- Chi phí trích trước	257.437.296	59.671.511

3. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chủ yếu là hoạt động đầu tư tài chính.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin so sánh

Số liệu cuối năm trên Báo cáo tài chính Hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại thành số liệu đầu năm trên Báo cáo cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu năm trên báo cáo kỳ này	Số dư cuối năm theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
NGUỒN VỐN				
C. Nợ phải trả	300	11.154.672.554	10.493.893.790	660.778.764
Trong đó:				
II. Nợ dài hạn	330	5.879.617.857	5.218.839.093	660.778.764
Trong đó:				
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	1.104.225.437	443.446.673	660.778.764
D. Vốn chủ sở hữu	400	1.703.884.020.926	1.704.544.799.690	(660.778.764)
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.703.884.020.926	1.704.544.799.690	(660.778.764)
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	162.126.474.690	162.787.529.776	(661.055.086)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	24.673.868.052	24.673.591.730	276.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.715.038.693.480	1.715.038.693.480	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2017

(* *Khoản dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty con, phần thuế TNDN hoãn lại phải trả ảnh hưởng đến số liệu cuối năm của Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho cả năm 2016.*

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính Hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính Hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Vấn đề khác

Ngày 30/6/2017, Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành quyết xử phạt vi phạm hành chính đối với CTCP Đầu tư cao su Quảng Nam (mã chứng khoán VHG) số tiền 70 triệu đồng. Nguyên nhân, do Cao su Quảng Nam đã đặt lệnh giao dịch bán cổ phiếu quỹ với các mức giá nằm ngoài biên độ giao động giá trong thời gian đăng ký giao dịch cổ phiếu quỹ.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 54/NQHĐQT-VHG ngày 26/08/2017 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Su Quảng Nam đã thông qua việc:

+ Công ty không thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Quảng Nam.

+ Công ty thông qua việc thoái và thu hồi toàn bộ vốn liên quan đến hoạt động đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây trong năm 2017. Việc thoái và thu hồi vốn này phải đảm bảo thu hồi lại đầy đủ và toàn bộ số vốn liên quan đến hoạt động đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây.

Quảng Nam, ngày 29 tháng 08 năm 2017.

Người lập biểu

TRƯƠNG VĂN THỊNH

Kế toán trưởng

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

Tổng Giám đốc



VŨ ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

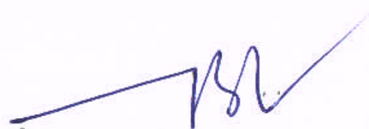
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
1. Số dư đầu năm trước	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	174.234.922.489	24.166.576.787	1.715.485.177.460
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	(32.528.280.777)	507.014.943	(32.021.265.834)
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	21.080.888.064	-	21.080.888.064
- Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
- Tăng, Giảm do Hợp nhất	-	-	-	21.580.888.064	-	21.580.888.064
4. Số dư cuối năm trước	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	162.787.529.776	24.673.591.730	1.704.544.799.690
5. Số dư đầu năm nay trình bày lại	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	162.126.474.690	24.673.868.052	1.703.884.020.926
6. Tăng trong kỳ	-	-	-	(277.058.730.266)	(3.601.107.015)	(280.659.837.281)
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(277.295.522.447)	(3.601.107.015)	(280.896.629.462)
- Tăng khác do thay đổi tỷ lệ vốn góp vào cuối kỳ (theo số thực góp)	-	-	-	236.792.181	-	236.792.181
7. Giảm trong kỳ	-	(23.497.513.116)	32.582.949.816	-	(236.792.181)	8.848.644.519
- Bán cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(23.497.513.116)	32.582.949.816	-	-	9.085.436.700
- Giảm khác do thay đổi tỷ lệ vốn góp vào cuối kỳ (theo số thực góp)	-	-	-	-	(236.792.181)	(236.792.181)
8. Số dư cuối kỳ	1.500.000.000.000	26.169.114.884	-	(114.932.255.576)	20.835.968.856	1.432.072.828.164

Quảng Nam, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





TRƯƠNG VĂN THỊNH

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

VŨ ANH TUẤN



2348A / 17 / BCKT / AUD - VVALUES